

**Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 20/01/2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Quang**
2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Thị Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2021/TLST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Xuân L** – sinh năm 1956. Có mặt.

Địa chỉ: Số 105A đường Trương Vĩnh Ký, khu phố 1, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Liễu: Ông **Nguyễn Văn C** – sinh năm 1954. Có mặt.

Địa chỉ: Số 89 đường Hoàng Hoa Thám, khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông **Ngô Hữu T** - sinh năm 1962 và bà **Hà Thị S** – sinh năm 1963. Bà Sáu có mặt.

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trí: Bà **Trần Thị D** – sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phùng Thị Hiền T – sinh năm 1981 và ông Ngô Hữu L – sinh năm 1979.
Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, đại diện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:**

Ngày 24.12.2020, vợ chồng ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S có vay của bà Trần Thị Xuân L số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) với mục đích là để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là 07 ngày. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền bà L cho vay, vợ chồng ông T bà S đã trả nợ Ngân hàng và nhận lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp khi vay tiền Ngân hàng (Gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 367636 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 367637 do UBND huyện Hàm Tân đều được cấp ngày 21.10.2009 đứng tên chủ sử dụng đất là hộ ông Ngô Hữu T) thì ông T, bà S không vay lại để trả cho bà L theo cam kết. Do vậy, bà L đã yêu cầu vợ chồng ông T bà S lập giấy nhận nợ và cam kết trả nợ cho bà L trong thời hạn 50 ngày tính từ ngày 24.12.2020. Hết thời hạn 50 ngày theo cam kết, ông T bà S cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà L đã gửi đơn đến Công an thị xã L giải quyết, nhưng cũng không có kết quả. Vì vậy, bà L đã có đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 09.11.2021, tại phiên hòa giải đã xác định: Số tiền vợ chồng ông T bà S nợ bà Liễu là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 122.745.000 đồng, nhưng sau đó phía ông T bà S không chấp nhận. Ngày 27.11.2021, vợ chồng ông T bà S đã trả cho bà L số tiền 600.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi tính đến ngày 09.11.2021 là 122.745.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông T bà S phải trả cho bà Liễu số tiền nợ gốc còn lại là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09.11.2021 là 122.745.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 10.11.2021 cho đến khi trả dứt nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp tờ giấy hợp đồng vay tiền thể hiện: Ông T bà S vay tiền của nguyên đơn 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 31.12.2020 đến hết ngày 30.01.2021, với lãi suất là 1,6%/tháng và nguyên đơn thừa nhận có nhận tiền lãi của bị đơn là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 24.12.2020 đến ngày 30.12.2020 là 10%/năm của số tiền 700.000.000 đồng; Từ 31.12.2020 đến ngày 27.11.2021 là 1,6%/tháng của số tiền 700.000.000 đồng; Từ ngày 28.11.2021 đến ngày xét xử 20.01.2022 là 1,6%/tháng của số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi tính tiền lãi thì nguyên đơn đồng ý trừ vào số tiền lãi đã nhận của bị đơn là 3.000.000 đồng.

*** Bị đơn:** Ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S trình bày:

Vào ngày 13.02.2019, ông Ngô Hữu L và bà Phùng Thị Hiền T (Ông L là em trai ông T và bà T là em dâu) có đến nhà ông T bà S nhờ ông bà vay số tiền

700.000.000 đồng tại Ngân hàng Agribank, Chi nhánh thị xã L, thế chấp tài sản bằng hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền, ông bà đã yêu cầu ông L bà T ký vào giấy cam kết, giấy cam kết này đã được ông Nguyễn Tấn V thôn Trưởng thôn Hiệp Thuận ký xác nhận.

Thời gian sau đó ông L bà T “bội tín” không thực hiện lời cam kết, không trả tiền lãi cho Ngân hàng, mà ông bà là người phải trả tiền lãi cho Ngân hàng. Đến ngày đáo nợ Ngân hàng ông L bà T không muốn trả nợ cho ông bà bằng tìm người chuyên cho vay nóng để đáo nợ ngân hàng. Do có mối quan hệ trước đây với bà Trần Thị Xuân L, bà T đạo diễn cho bà L viết sẵn một giấy vay tiền giữa bà L với vợ chồng ông T bà S và điện thoại cho ông bà đến Ngân hàng Agribank ký vào hợp đồng vay tiền để cho Ngân hàng cho vay thì bà L sẽ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận điện thoại của bà T và bà L thì ông bà được một người bạn báo cho biết thủ đoạn của bà T và bà L, nên khi đến Ngân hàng ông bà cảnh giác, khi cán bộ tín dụng giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L ông bà đã giữ lấy thì bị bà L giằng co giật lại. Ông T bà S có gửi đơn đến Công an thị xã L giải quyết thì bà T đã thừa nhận và cam kết sẽ bán đất trả nợ cho ông bà. Quá trình giải quyết tại Tòa án, ông T bà S có yêu cầu độc lập buộc ông L bà T có trách nhiệm trả số nợ 700.000.000 đồng mà ông bà đã vay của bà L để đáo nợ Ngân hàng.

Tại phiên hòa giải ngày 09.11.2021, bà S thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý trả cho bà L số tiền 700.000.000 đồng và tiền lãi 122.745.000 đồng; Bà Trần Thị D – đại diện theo ủy quyền của ông T cũng thống nhất với trình bày của bà Sáu, nhưng phía vợ chồng ông T bà S hiện không có điều kiện trả nợ. Nếu vợ chồng ông L bà T trả nợ cho vợ chồng ông T bà S thì ông bà sẽ trả nợ cho bà L.

Ngày 15.11.2021, ông T bà S có đơn đề nghị xin thay đổi ý kiến, cụ thể: Trong đơn yêu cầu độc lập ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Ngô Hữu L và bà Phùng Thị Hiền T phải có trách nhiệm trả cho ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S số tiền vay 700.000.000 đồng và tiền lãi 12.000.000 đồng, ông L bà T không trả trực tiếp cho ông T bà S mà trả trực tiếp cho bà Trần Thị Xuân L, nhưng trong biên bản hòa giải thành ngày 09.11.2021 không ghi ý kiến yêu cầu của ông bà; Số tiền lãi 122.745.000 đồng tính lãi suất cho bà L như thế nào mà ra số tiền lãi quá lớn không thấy diễn giải trong biên bản ngày 09.11.2021; Trong Thông báo thụ lý vụ án có ghi ông T đã thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà L đang cất giữ, nhưng trong biên bản hòa giải thành ngày 09.11.2021 không thấy đề cập gì đến 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Hà Thị S và bà Trần Thị D - đại diện theo ủy quyền của ông T khai: Ngày 27.11.2021, vợ chồng ông T bà S đã nhận của vợ chồng ông L bà T số tiền 600.000.000 đồng. Vì vậy, ông T bà S chỉ còn yêu cầu vợ chồng ông L bà T tiếp tục trả số tiền vay 100.000.000 đồng còn lại và yêu cầu lãi tính từ ngày 24.12.2020 đến khi trả nợ xong với lãi suất 1,67 %/tháng (Cụ thể: Lãi của số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng từ ngày 24.12.2020 đến ngày 27.11.2021) và lãi của số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng từ ngày 28.11.2021 đến khi trả nợ xong) và số tiền lãi 12.000.000 đồng (tiền lãi của tháng 11 và tháng 12 năm 2021). Đồng thời, vào ngày 27.11.2021, vợ chồng ông T bà S đã trả cho bà L số tiền 600.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,6%/tháng và tính như nguyên đơn yêu cầu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Hữu L bà Phùng Thị Hiền T trình bày:

Vào ngày 12.01.2019, vợ chồng ông L bà T có vay của vợ chồng ông T bà S số tiền 700.000.000 đồng để mua đất, ông T bà S có vay Ngân hàng và cho ông bà mượn, ông bà có trả tiền lãi cho Ngân hàng trong hai năm. Sau đó, do ông bà làm ăn thất bại và đến hạn trả nợ Ngân hàng ông bà không có khả năng trả nữa, nên vợ chồng ông T đứng ra và bà T có giới thiệu bà L để cho vay và vợ chồng ông T có vay của bà L số tiền 700.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Ông L bà T thống nhất với trình bày của bà L, vợ chồng ông T bà S. Vợ chồng ông L bà T đồng ý trả nợ cho vợ chồng ông T bà S số tiền 700.000.000 đồng và 12.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 27.11.2021, vợ chồng ông L bà T đã trả cho vợ chồng ông T bà S số tiền 600.000.000 đồng gốc, còn nợ lại 100.000.000 đồng gốc và vợ chồng ông T bà S cũng đã trả cho bà L số tiền 600.000.000 đồng trong ngày.

Tại phiên tòa, ông L bà T vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ gốc là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất: Buộc bị đơn phải trả số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi cho nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn: Buộc ông Ngô Hữu L và bà Phùng Thị Hiền T phải trả số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi cho bị đơn.

Về án phí: Ông T bà S và ông L bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 100.000.000 đồng; Xét đơn yêu cầu độc lập của bị đơn yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền 100.000.000 đồng là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc còn lại là 100.000.000 đồng và tiền lãi, thể hiện ở tờ giấy mượn tiền lập ngày 24.12.2020; Bị đơn có yêu cầu độc lập yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện của nguyên đơn có mặt; Bị đơn, đại diện của bị đơn có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào tờ giấy mượn tiền lập ngày 24.12.2020 thể hiện: Bà Trần Thị Xuân L cho ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S mượn số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn là 07 ngày, trả tại Ngân hàng khi đã lãnh tiền vay xong. Giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết của ông T bà S. Quá trình giải quyết bị đơn thừa nhận có vay của bà L số tiền 700.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp tờ giấy hợp đồng vay tiền thể hiện: Ông T bà S vay tiền của nguyên đơn 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 31.12.2020 đến hết ngày 30.01.2021, với lãi suất là 1,6%/tháng và nguyên đơn thừa nhận có nhận tiền lãi của bị đơn là 3.000.000 đồng. Theo nguyên đơn khai, do lúc đầu khi cho bị đơn vay tiền, hai bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể, nên ngày 31.12.2020, hai bên mới lập hợp đồng vay tiền và có thỏa thuận mức lãi suất. Tại phiên tòa, phía bị đơn thừa nhận có ký tên vào hợp đồng vay tiền với số tiền 700.000.000 đồng và lãi suất là 1,6%/tháng. Ngày 27.11.2021, vợ chồng ông T bà S đã trả cho bà L số tiền 600.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng gốc và tại phiên tòa, phía bị đơn thừa nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng gốc.

Xét yêu cầu độc lập của bị đơn buộc vợ chồng ông L bà T phải trả số tiền 700.000.000 đồng gốc và tiền lãi: Quá trình giải quyết ông L bà T thừa nhận có vay của ông T bà S số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 27.11.2021, vợ chồng ông L bà T đã trả cho vợ chồng ông T bà S số tiền 600.000.000 đồng gốc, còn nợ lại 100.000.000 đồng gốc.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bị đơn đều có căn cứ để chấp nhận: Buộc vợ chồng ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S phải cùng liên đới trả cho bà Trần Thị Xuân L số tiền 100.000.000 đồng; Buộc vợ chồng ông Ngô Hữu L và bà Phùng Thị Hiền T phải cùng liên đới trả cho ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp.

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy mượn tiền lập ngày 24.12.2020, không thể hiện mức lãi suất cụ thể. Tại phiên tòa,

phía nguyên đơn cung cấp tờ giấy hợp đồng vay tiền thể hiện: Ông T bà S vay tiền của nguyên đơn 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 31.12.2020 đến hết ngày 30.01.2021, với lãi suất là 1,6%/tháng. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, cụ thể:

Từ ngày 24.12.2020 đến ngày 30.12.2020 là 06 ngày: $700.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 06 \text{ ngày} : 30 = 1.162.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 31.12.2020 đến ngày 27.11.2021 là: 10 tháng 27 ngày: $700.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\% \times 327 \text{ ngày} : 30 = 122.080.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 28.11.2021 đến ngày 20.01.2022 là: 01 tháng 22 ngày: $100.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\% \times 52 \text{ ngày} : 30 = 2.773.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng số tiền lãi là: 126.015.000 đồng, nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền lãi của bị đơn là 3.000.000 đồng và đồng ý trừ vào số tiền lãi, nên số tiền lãi sau khi trừ đi còn: 123.015.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là: 223.015.000 đồng. Vì vậy, buộc vợ chồng ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Trần Thị Xuân L số tiền 223.015.000 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn yêu cầu tính mức lãi suất 1,6%/tháng và tính như nguyên đơn yêu cầu (kể từ ngày 24.12.2020 đến ngày 27.11.2021 và lãi của số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng từ ngày 28.11.2021 đến khi trả nợ xong) và số tiền lãi 12.000.000 đồng (tiền lãi trả ngân hàng của tháng 11 và tháng 12 năm 2021): Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi suất của bị đơn và số tiền vay, thời gian tính lãi suất giống với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn nên số tiền lãi như đã tính đối với nguyên đơn là 126.015.000 đồng và số tiền lãi 12.000.000 đồng của hai tháng trả tiền lãi ngân hàng theo các chứng từ bị đơn nộp có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, buộc vợ chồng ông Ngô Hữu L và bà Phùng Thị Hiền T phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S số tiền nợ gốc và lãi là 238.015.000 đồng là phù hợp.

[4] **Về án phí:** Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật; Yêu cầu độc lập của bị đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông Ngô Hữu L và bà Phùng Thị Hiền T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ông Ngô Hữu T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí và ông T có đơn xin miễn nên số tiền án phí của ông T sẽ được miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 288, Điều 357, Điều 463 và 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S phải cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Xuân L số tiền 223.015.000 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu không trăm mười lăm nghìn đồng).

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn: Buộc vợ chồng ông Ngô Hữu L và bà Phùng Thị Hiền T phải cùng có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Ngô Hữu T và bà Hà Thị S số tiền 238.015.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu không trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Ngô Hữu T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hà Thị S phải chịu 5.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 16.240.000 đồng tạm ứng án phí ông T bà S đã nộp theo biên lai số 0004624 ngày 15.6.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, hoàn trả cho ông T bà S số tiền 10.665.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Ngô Hữu L và bà Phùng Thị Hiền T phải chịu 11.900.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/01/2022). Riêng bà Phùng Thị Hiền T và ông Ngô Hữu L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.T;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn